

Bản án số: 09/2023/KDTM-ST

Ngày 08-9-2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Dũng và ông Nguyễn Thế Khải.

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Hà Như Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hải Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2023/TLST - KDTM ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/QĐXXST - KDTM ngày 12 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam; địa chỉ: Số 198, Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội do ông Phạm Quang Dũng- Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật. Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn C - Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam - chi nhánh Vinh Phúc (theo giấy ủy quyền số: 740/UQ-VCB-PC ngày 18/10/2021).

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn B - Phó Trưởng phòng khách hàng bán lẻ - Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam - chi nhánh Vinh Phúc; địa chỉ: 118 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc (theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2023), có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lưu Văn T, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm 1971; Điều địa chỉ: Số nhà 657 đường HV, phường ĐT, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc, (bà M có mặt).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Lưu Hữu K, sinh năm 2002;

- Anh Lưu Việt T, sinh năm 1991;

Điều địa chỉ: Số nhà 651 đường Hùng Vương, phường Đồng Tâm, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc, (đều vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T và anh K là bà Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm 1971 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2023 và quá trình tố tụng, người được uỷ quyền lại của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Biên trình bày: Ngày 30/8/2021 Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc đã ký Hợp đồng cho vay theo hạn mức số: 21BL/CN-DB/NHHM 938 với bà Nguyễn Thị Kiều M với ông Lưu Văn T với số tiền là 2.100.000.000đ (Bằng chữ: Hai tỷ một trăm triệu đồng chẵn), thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng với thời hạn vay tối đa 06 tháng/lần nhận nợ mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh; Thời hạn rút vốn: 12 tháng; Thời hạn cho vay tối đa 06 tháng/ lần nhận nợ; Lãi suất trong hạn: Theo thông báo lãi suất của ngân hàng tại thời điểm giải ngân được ghi trong giấy nhận nợ; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng cho vay hạn mức nêu trên, bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Lưu Văn T đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 223315 do UBND thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay UBND thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc) cấp ngày 07/7/2005 cho hộ ông Lưu Văn T.

Quá trình thực hiện hợp đồng thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc đã giải ngân để bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Lưu Văn T thanh toán tiền mua hàng phục vụ hoạt động kinh doanh tổng số là 1.900.000.000đ bằng 03 giấy nhận nợ cụ thể: Ngày 31/8/2021 giải ngân số tiền 1.500.000.000đ; ngày 06/9/2021 giải ngân 300.000.000đ; ngày 11/10/2021 giải ngân 100.000.000đ. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Lưu Văn T đã không thanh toán được các khoản nợ đến hạn, khiến khoản vay bị quá hạn. Trong thời gian quá hạn khoản nợ trên ngày 06/07/2022 bà M, ông T đã trả được số tiền 10.000.000đ, ngày 31/10/2022 trả được số tiền 30.000.000đ Ngân hàng đều tính số tiền trên vào trả khoản tiền nợ gốc. Tính hết ngày 07/9/2023, Bà M, ông T còn nợ số tiền là:

- Nợ gốc: 1.860.000.000đ
- Nợ trong hạn: 256.101.589đ;
- Nợ tiền lãi phạt quá hạn: 99.558.219đ
- Tổng cộng: 2.215.659.808đ

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc buộc bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Lưu Văn T thanh toán toàn bộ các khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, các phí, chi phí phát sinh đến hết ngày 07/9/2023 theo hợp đồng tín dụng hạn mức và giấy nhận nợ đã nêu ở trên, cùng các khoản lãi, phí phát sinh theo thoả thuận trong hợp hạn mức và giấy nhận nợ trên nợ gốc sau ngày 07/8/2023 cho đến khi trả nợ hết gốc, lãi tiền vay và các khoản phí, chi phí khác theo quy định.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Lưu Văn T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng TMCP NT Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của Bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Lưu Văn T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 15TN/BDS/344 ký ngày 19/11/2015 giữa bà Nguyễn Thị Kiều M, ông Lưu Văn T và Ngân Hàng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật . Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 223315 do UBND Thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (UBND thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc) cấp ngày 7/7/2005 cho hộ ông Lưu Văn T tại Khu phố 2, phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là TDP Hùng Vương, phường Đồng Tâm). Theo kết quả đo đạc xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/6/2023 diện tích đất của gia đình ông T là 102,7m² và toàn bộ tài sản trên đất.

Tuyên nêu số tiền thu từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ trả nợ Ngân hàng TMCP NT Việt Nam thì Ngân hàng có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Lưu Văn T dùng các nguồn tiền khác để trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều M và người đại diện theo uỷ quyền của ông Lưu Văn T và anh Lưu Hiếu K trình bày: Bà và chồng bà là ông Lưu Văn T có đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 19A001819 đăng ký lần đầu ngày 28/7/2005 để kinh doanh vật liệu xây dựng, vận tải hàng hóa. Do có nhu cầu vốn kinh doanh nên ngày 30/8/2021, vợ chồng bà có ký với Ngân hàng TMCP NT Việt Nam- Chi nhánh Vĩnh Phúc Hợp đồng tín dụng hạn mức số 21BL/CN-DB/NHHM 938 có hạn mức vay là 2.100.000.000đ (Hai tỷ một trăm triệu đồng). Tổng số tiền vợ chồng bà đã vay và nhận nợ của ngân hàng là 1.900.000.000đ.

Để đảm bảo cho khoản vay, ngày 19/11/2015, vợ chồng bà đã ký với ngân hàng Hợp đồng thế chấp số 15TN/BDS/344 thế chấp tài sản là thửa đất số 336, tờ bản đồ số 11, diện tích 104m² (Theo kết quả đo đạc xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/6/2023 diện tích đất thực tế của gia đình ông T là 102,7m²); mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: lâu dài, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 223315 do UBND thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là UBND Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc) cấp cho hộ ông Lưu Văn T tại khu phố 2, phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là TDP Hùng Vương, phường Đồng Tâm). Nguồn gốc đất và do vợ chồng bà M, ông T nhận chuyển nhượng lại của người khác, tại thời điểm nhận chuyển nhượng xây dựng các công trình trên đất anh K, anh T đều còn nhỏ không đóng góp được công sức gì trong việc hình thành tài sản thế chấp này. Việc trong phụ

lục hợp đồng anh K và anh T ký hợp đồng là do Ngân hàng yêu cầu nên nên 02 người con bà mới ký hợp đồng để thuận lợi cho việc vay vốn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng bà đã trả được cho ngân hàng tổng số tiền nợ gốc là 40.000.000đ còn tiền lãi vợ chồng bà chưa trả được cho ngân hàng. Từ tháng 11 năm 2021, do việc kinh doanh gặp khó khăn nên vợ chồng bà không tiếp tục trả được nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà M, ông T thanh toán toàn bộ các khoản nợ gốc, nợ lãi quá hạn đến hết ngày 07/8/2023 là 2.215.659.808đ (trong đó Nợ gốc: 1.860.000.000đ; Nợ trong hạn: 256.101.589đ; Nợ tiền lãi quá hạn: 99.558.219đ) và lãi quá hạn, phí phát sinh sau ngày 07/8/2023 cho đến khi tất toán khoản vay. Trường hợp bà M, ông T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì ông T, bà M phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng. Bà xác nhận khoản nợ gốc lãi còn nợ và tài sản vợ chồng bà thế chấp là đúng, bà đồng ý trả khoản nợ cho ngân hàng nhưng xin được trả dần trong hai năm và xin ngân hàng miễn toàn bộ lãi và hỗ trợ tiền án phí giải quyết vụ án cho vợ chồng bà. Nếu sau hai năm bà không thực hiện đúng cam kết thì chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lưu Việt T vắng mặt tại phiên toà : Theo bà M trình bày hiện tại anh T không có mặt tại nhà, anh T đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan năm 2020, trước đây cháu T đi làm việc tại công ty có địa chỉ cụ thể, sau đó, cháu T bỏ công ty ra ngoài và có về nước hay không bà không rõ thỉnh thoảng cháu T có điện về nhà hỏi thăm nhưng cháu không nói đang ở đâu cho vợ chồng bà biết, nên không cung cấp địa chỉ anh T cho Tòa án. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại địa phương và tại Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời thông qua người thân là bà M (mẹ anh T) tổng đạt các văn bản tố tụng thay anh T các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết nhưng anh T không về tham gia tố tụng giải quyết vụ theo giấy triệu tập của Tòa án.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án như sau: Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 11 Điều 26; Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 202 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 323; Điều 325 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam: Buộc bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Lưu Văn T có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP NT Việt Nam số tiền gốc, tiền lãi và lãi phạt quá hạn lãi tính đến hết ngày 07/9/2023 là 2.215.659.808đ (trong đó Nợ gốc: 1.860.000.000đ; Nợ trong hạn: 256.101.589đ; Nợ tiền lãi phạt quá hạn: 99.558.219đ) và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 08/9/2023 theo mức lãi suất quá hạn trên nợ gốc mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức số 21BL/CN-DB/NHHM 938 ngày 30/8/2021 và các giấy nhận nợ giữa Ngân hàng TMCP NT Việt Nam, chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc với bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Lưu Văn T cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Lưu Văn T không trả được số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP NT Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15TN/BDS/344 thế chấp tài sản là thửa đất số 336, tờ bản đồ số 11, diện tích 104m² (Theo kết quả đo đạc xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/6/2023 diện tích đất của gia đình ông T là 102,7m²); mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: lâu dài, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 223315 do UBND thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 07/7/2005 cho hộ ông Lưu Văn T tại TDP Hùng Vương, phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc để thu hồi nợ.

Trường hợp việc phát mại tài sản thế chấp không đủ để Ngân hàng TMCP NT Việt Nam thu hồi nợ, bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Lưu Văn T tiếp tục phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP NT Việt Nam cho đến khi thanh toán hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên toà anh Lưu Hữu K vắng mặt nhưng đã được triệu tập và niêm yết hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử, Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Hai bên ký kết hợp đồng tín dụng phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh, bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Lưu Văn T vay vốn nhằm mục đích để kinh doanh, các bên đều cùng mục đích là lợi nhuận nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại. Tại thời điểm khởi kiện và thụ lý vụ ông bà M, ông T, có địa chỉ tại phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 30/8/2021, Ngân hàng TMCP NT Việt Nam, chi nhánh Vĩnh Phúc với bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Lưu Văn T có ký hợp

đồng cho vay theo hạn mức số 21 BL/CN-ĐB/NHHM938. Nội dung hợp đồng: Ngân hàng cho bà M, ông T vay số tiền theo hạn mức là 2.100.000.000đ; Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh; Thời hạn rút vốn: 12 tháng; Thời hạn cho vay tối đa 06 tháng/ lần nhận nợ; Lãi suất trong hạn: Theo thông báo lãi suất của ngân hàng tại thời điểm giải ngân được ghi trong giấy nhận nợ; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng TMCP NT Việt Nam- Chi nhánh Vĩnh Phúc đã giải ngân cho bà M, ông T tổng cộng: 1.900.000.000đ. Để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức, bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Lưu Văn T đã ký hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất của gia đình bà M và ông T là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 223315 do UBND Thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là UBND Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc) cấp ngày 07/7/2005 cho hộ ông Lưu Văn T tại Khu phố 2, phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là TDP Hùng Vương). Theo thời hạn các giấy nhận nợ bà M, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và chuyển thành nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 07/9/2023 bà M, ông T còn nợ Ngân hàng TMCP NT Việt Nam tổng tiền gốc, tiền lãi trong hạn và lãi phạt quá hạn là 2.215.659.808đ (trong đó Nợ gốc: 1.860.000.000đ; Nợ trong hạn: 256.101.589đ; Nợ tiền lãi phạt quá hạn: 99.558.219đ). Tại phiên toà, bà Nguyễn Thị Kiều M đều thừa nhận khoản nợ gốc và lãi trên và đề nghị được trả nợ dần trong hai năm và xin ngân hàng miễn toàn bộ lãi và hỗ trợ tiền án phí giải quyết vụ án cho vợ chồng bà nếu sau hai năm bà không thực hiện đúng cam kết thì chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật, nhưng đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam không đồng ý. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam yêu cầu Nguyễn Thị Kiều M và ông Lưu Văn T phải trả tổng tiền gốc, tiền lãi trong hạn và lãi phạt quá hạn tính đến hết ngày 07/9/2023 là 2.215.659.808đ và lãi quá hạn trên khoản nợ gốc phát sinh kể từ ngày 08/9/2023 cho đến khi bà M, ông T trả hết nợ là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng trong trường hợp bà Nguyễn Thị Kiều M ông Lưu Văn T không trả được nợ là nhận Quyền sử dụng đất số AB 223315 thửa số 336 tờ bản đồ số 11 do UBND thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay UBND Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc) cấp ngày 07/7/2005 cho hộ ông Lưu Văn T tại Khu phố 2, phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là TPD Hùng Vương, phường Đồng Tâm). Theo bản đồ VN2000 thuộc thửa số 60, tờ bản đồ số 78 theo kết quả xem xét thẩm định định, đo đạc thực tế ngày 16/6/2023 có diện tích là 102,7m² cùng toàn bộ tài sản trên. Theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 15TN/BDS/344 ngày 19/11/2015; phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 09/3/2018 và phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 20/6/2019 thế chấp Quyền sử

dụng đối với thửa đất số 336, tờ bản đồ số 11, diện tích 104 m², diện tích đất thực tế ít hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1,3m² gia đình bà M không có ý kiến gì về diện tích đất thiếu trên, đại diện Ngân hàng không có ý kiến gì về diện tích đất thiếu trên và đề nghị căn cứ vào diện tích đất đo đạc thực tế để giải quyết trong trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp nêu trên do ông Lưu Văn T, bà Nguyễn Thị Kiều M ký, ngoài ra ông T, bà M còn là người đại diện theo uỷ quyền của anh Lưu Việt T và người đại diện theo pháp luật của anh Lưu Hiếu K ký trực tiếp tại Văn phòng Công chứng Vĩnh Phú, việc ký kết Hợp đồng thế chấp dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng theo quy định của Bộ luật dân sự. Về hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp và phụ lục hợp đồng đều tuân thủ các quy định của pháp luật. Các đương sự đều thừa nhận việc ký kết hợp đồng thế chấp giữa bà M, ông T với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, không có sự lừa dối. Hợp đồng được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng thế chấp chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất này có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng đề nghị trong trường hợp bà M, ông T không trả được khoản nợ gốc và lãi quá trên trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ Ngân hàng TMCP NT Việt Nam tự nguyện chịu và không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều M và Lưu Văn T phải chịu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về lãi suất quá hạn: Tại phiên toà hai bên thoả thuận theo lãi xuất quá hạn trên số tiền nợ gốc còn nợ theo thoả thuận trong hợp đồng cho vay theo hạn mức và khế ước nhận nợ hai bên đã ký.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Lưu Văn T phải chịu án phí theo giá ngạch là 76.313.196đ làm tròn 76.313.100đ. Tuy nhiên, tại thời điểm tại thời điểm xét xử sơ thẩm ông Lưu Văn T đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về áp phí, lệ phí Tòa án thì ông T thuộc trường hợp “... người cao tuổi...”. Do vậy, ông T được miễn án phí có giá ngạch, còn bà M không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí theo theo giá ngạch phần còn lại là 38.156.550đ. Ngân hàng TMCP NT Việt Nam không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại Ngân hàng TMCP NT Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 11 Điều 26; Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 202; Khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 323; Điều 325 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam: Buộc bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Lưu Văn T có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP NT Việt Nam số tiền gốc, tiền lãi và lãi phạt quá hạn lãi tính đến hết ngày 07/9/2023 là 2.215.659.808đ (Hai tỉ hai trăm mười lăm triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn tám trăm linh tám đồng); (Trong đó nợ gốc: 1.860.000.000đ; Nợ trong hạn: 256.101.589đ; Nợ tiền lãi phạt quá hạn: 99.558.219đ) và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 08/9/2023 theo mức lãi suất quá hạn trên nợ gốc mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay theo hạn mức số: 21BL/CN-DB/NHHM 938 ngày 30/8/2021 và khế ước nhận nợ được ký giữa Ngân hàng TMCP NT Việt Nam, chi nhánh Vĩnh Phúc với bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Lưu Văn T cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Lưu Văn T không trả được số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP NT Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại xử lý tài sản thế chấp theo 15TN/BDS/344 ngày 19/11/2015; phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 09/3/2018 và phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 20/6/2019 đối với thửa đất số 336, tờ bản đồ số 11, diện tích 104 m² (Theo bản đồ VN2000 thuộc thửa số 60, tờ bản đồ số 78, đo đạc thực tế ngày 16/6/2023 là 102,7m²) địa chỉ thửa đất: Khu phố 2, phường Đồng Tâm, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là TDP Hùng Vương, phường Đồng Tâm) theo GCN số AB 223315, do UBND thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là UBND Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc) cấp ngày 07/7/2005 cho hộ ông Lưu Văn T và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của hộ ông Lưu Văn T để thu hồi nợ, (có sơ đồ kèm theo).

Trường hợp việc phát mại tài sản thế chấp không đủ để Ngân hàng TMCP NT Việt Nam thu hồi nợ, bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Lưu Văn T tiếp tục phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP NT Việt Nam cho đến khi thanh toán hết nợ.

3. Về án phí: Ông Lưu Văn T được miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch; Bà Nguyễn Thị Kiều M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo giá ngạch là 38.156.550đ (Ba mươi tám triệu một trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi đồng).

Ngân hàng TMCP NT Việt Nam không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP NT Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp 37.070.000đ (Ba mươi bảy triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng) theo

biên lai thu tiền số: 0004826 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tp Vĩnh Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự tp Vĩnh Yên;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Tiến

Khi phát mại tài sản thế chấp bà Đỗ Thị Hải Yến, bà Đỗ Thị Xuân Hạnh, bà Đỗ Thị Lan Hương, bà Đỗ Thị Thuý Hằng, bà Đỗ Thị Thuý Hà; anh Đỗ Phúc Thắng (đồng sở hữu ngôi nhà 03 tầng 01 tum trên đất) được quyền ưu tiên mua nếu họ có nhu cầu mua (nhận chuyển nhượng đất), nếu bà Đỗ Thị Hải Yến, bà Đỗ Thị Xuân Hạnh, bà Đỗ Thị Lan Hương, bà Đỗ Thị Thuý Hằng, bà Đỗ Thị Thuý Hà; anh Đỗ Phúc Thắng không mua thì phát mại tài sản thế chấp phải thanh toán cho bà Đỗ Thị Hải Yến, bà Đỗ Thị Xuân Hạnh, bà Đỗ Thị Lan Hương, bà Đỗ Thị Thuý Hằng, bà Đỗ Thị Thuý Hà; anh Đỗ Phúc Thắng giá trị bằng tiền tại thời điểm phát mại ngôi nhà 03 tầng 01 tum, số tiền phát mại tài sản còn lại, sau đó mới xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Đồng thời xử lý ngôi nhà 03 tầng 01 tum là tài sản gắn liền với đất là di sản cụ Dững để lại thuộc quyền sở hữu chung của 06 người con cụ Dững, số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được thanh toán trước cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, niêm yết văn bản tố tụng, thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật nhưng ông Trường không đến làm việc, do đó Tòa án không tiến hành ghi lời khai và hòa giải được. Căn cứ vào kết luận giám định số: 1326/KLGD ngày 19/9/2018 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chữ ký dưới mục “Bên vay”; “Người nhận tiền trên hợp đồng tín dụng số 01/2016/LLVT04/ HĐTD ngày 29/02/2016; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và Giấy rút tiền cùng ngày 29/02/2016 so với chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Xuân Trường (Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên thu thập trong hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 73/2017/TLST- DS ngày 18/7/2017) do cùng một người viết ra.

Tòa án xét thấy, ông Trường đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, do đó LienVietPostBank khởi kiện yêu cầu ông Trường phải trả tiền gốc và lãi suất theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của LienVietPostBank, buộc ông Nguyễn Xuân Trường phải thanh toán trả nợ cho LienVietPostBank tổng số tiền tính đến hết ngày 30/11/2018 là: 207.836.755 đồng (trong đó nợ gốc 162.500.000 đồng; nợ lãi, lãi phạt 45.336.755 đồng), đồng thời buộc ông Trường phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh trên nợ gốc tính từ ngày 01/12/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 01/2016/LLVT04/ HĐTD ngày 29/02/2016.

